

# Khảo sát hoạt động tự học của sinh viên tiếng Anh năm thứ nhất tại Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Đồng Tháp

**Đặng Thị Ngọc Yên\*, Phan Khánh Ngọc\*, Lê Thanh Nguyệt Anh\*\***

*\*SV. Trường Đại học Đồng Tháp, \*\*TS. Trường Đại học Đồng Tháp*

*Received: 7/3/2023; Accepted: 15/3/2023; Published: 22/3/2023*

**Abstract:** *The main purpose of this study is to survey the learner autonomy activities of first-year English students at the Department of Foreign Languages, Dong Thap University. The results show that the majority of students are aware of the importance of learner autonomy, especially in university. However, there are still some difficulties in this process.*

**Keywords:** *Autonomy, problems, solutions.*

## 1. Đặt vấn đề

Theo điều 39 Luật Giáo dục đã nêu rõ “Đào tạo người học phát triển toàn diện về đức, trí, thể, mỹ; có tri thức, kỹ năng, trách nhiệm nghề nghiệp; có khả năng nắm bắt tiến bộ khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo, khả năng tự học (TH), sáng tạo, thích nghi với môi trường làm việc; có tinh thần lập nghiệp, có ý thức phục vụ nhân dân” [6]. Thêm vào đó, ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 học sinh, sinh viên (SV) cả nước phải chuyển sang hình thức học trực tuyến, điều này đòi hỏi SV phải có khả năng TH cao để thích nghi với tình hình thực tế.

Theo kết quả bước đầu khảo sát nhóm SV năm nhất ở Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Đồng Tháp, chúng tôi nhận thấy những những khó khăn, không biết phải bắt đầu học từ đâu. Ngoài ra, chỉ có một nghiên cứu của giảng viên (GV) tại Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Đồng Tháp về đề tài này từ năm 2016, ở góc độ của SV thì chưa có nghiên cứu nào. Do đó, chúng tôi đã thực hiện đề tài “Khảo sát hoạt động TH của SV tiếng Anh năm thứ nhất tại khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Đồng Tháp” để tìm hiểu và đề xuất giải pháp cho vấn đề này.

## 2. Nội dung nghiên cứu

### 2.1. Khái niệm TH

Có rất nhiều định nghĩa về TH, dẫn đầu là Holec (1981) [4], ông cho rằng TH là khả năng chịu trách nhiệm cho việc học của riêng một cá nhân nào đó. David Little (1991)[5] lại cho rằng TH là năng lực tự lập, năng lực tư duy phê phán, ra quyết định và hành động độc lập. Trong khi đó, Benson (2001) [1] lại định nghĩa “TH là khả năng tự kiểm soát quá trình học tập của bản thân”.

Tuy có rất nhiều định nghĩa về việc TH, nhưng đơn giản TH là quá trình tự làm việc, nghiên cứu,

suy luận, tiếp thu kiến thức .... thông qua việc xác lập mục tiêu, nội dung và phương pháp học tập. Trong đó, SV đóng vai trò chủ động tiếp nhận kiến thức, và hơn hết họ phải tự chịu trách nhiệm với những quyết định đã được đề ra.

### 2.2. Tầm quan trọng của việc TH trong học ngoại ngữ ở bậc đại học

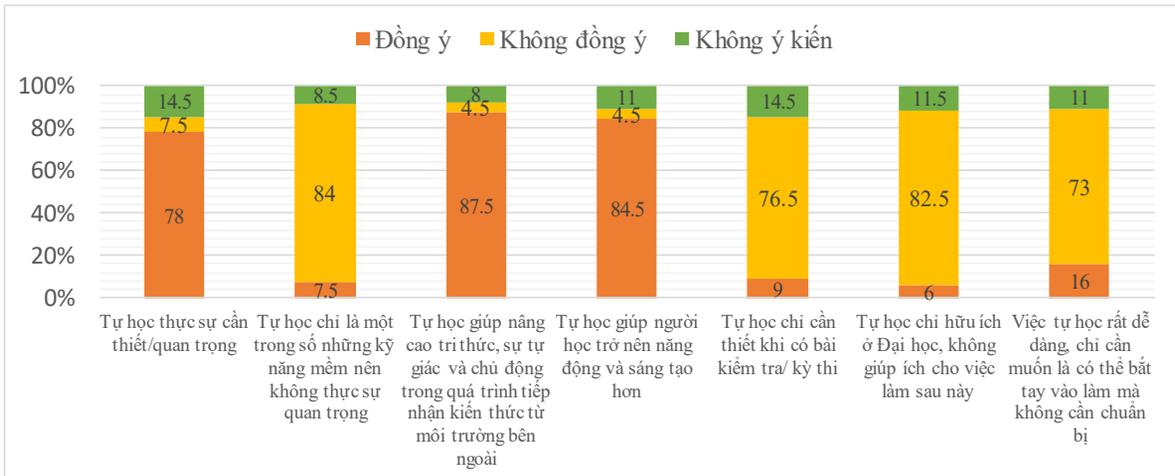
Với sự thay đổi về phương pháp dạy và học, đặc biệt đối với việc học ngoại ngữ để đáp ứng những yêu cầu của một công dân toàn cầu trong thế kỷ XXI, năng lực TH được xem như là chìa khóa quan trọng cho quá trình dạy và học hiệu quả.

Việc học ngoại ngữ là một quá trình lâu dài đòi hỏi nhiều nỗ lực của người dạy và người học (Chen & Pan, 2015) [2]. Vì vậy, họ cần được cung cấp kiến thức và kỹ năng đầy đủ về việc TH. Đặc biệt trong lĩnh vực sư phạm ngôn ngữ, TH cung cấp nhiều cơ hội để sử dụng các kỹ năng khác nhau, thông qua đó SV có thể tăng cường quá trình học ngôn ngữ của họ, ví dụ: tự điều chỉnh hoạt động, tự giám sát, làm việc với người khác, hoặc nhận thức về các chiến lược học tập (Ramos, 2006) [7].

### 2.3. Thực trạng TH của SV năm nhất chuyên ngành Tiếng Anh tại Trường Đại học Đồng Tháp

Chúng tôi đã khảo sát bằng phiếu đánh giá 200 SV chuyên ngành Tiếng Anh tại Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Đồng Tháp (từ tháng 07/2022 đến tháng 1/2023). Kết quả thu được như sau:

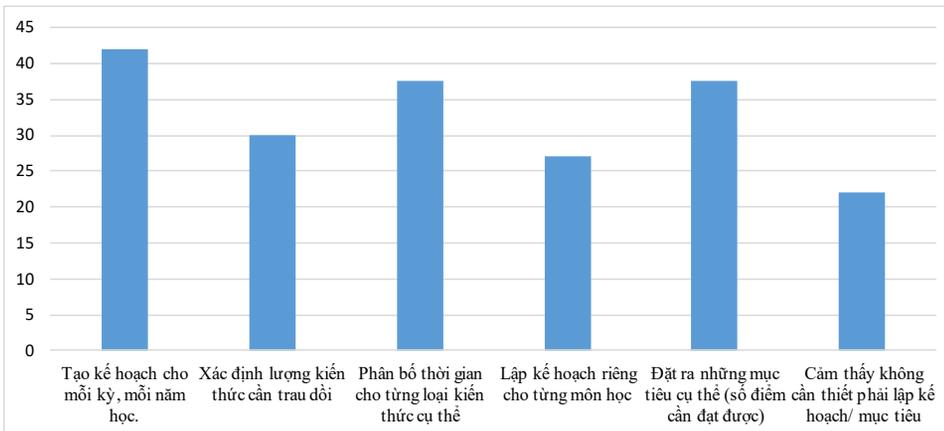
*a. Nhận thức của SV về tầm quan trọng của TH:*



Biểu đồ 2.1: Nhận thức của SV về tầm quan trọng của TH

Từ kết quả trên có thể thấy SV nhận thức được tầm quan trọng của việc TH, có 78% đồng ý với ý kiến trên. Ngoài ra SV cũng ý thức được những lợi ích mà việc TH mang lại cho họ. Có 87,5% SV đồng ý rằng “TH” giúp nâng cao tri thức, sự tự giác và chủ động trong quá trình tiếp nhận kiến thức từ môi trường bên ngoài; có 84,5% SV đồng ý và rất đồng ý việc TH giúp họ trở nên năng động và sáng tạo hơn. Bên cạnh đó, phần lớn SV cũng cho rằng sự cần thiết của việc TH không chỉ khi có các bài kiểm tra (76,5% không đồng ý) hay ở môi trường đại học (82,5% không đồng ý).

b. Kế hoạch và mục tiêu TH:

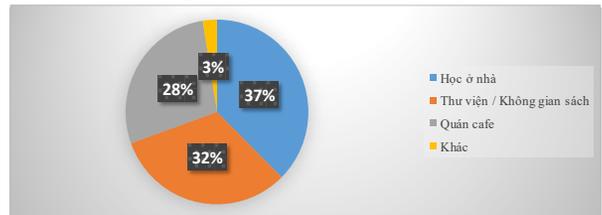


Biểu đồ 2.2: Kế hoạch và mục tiêu của SV dành cho việc TH

Biểu đồ 2.2 cho thấy có 42% SV vạch ra kế hoạch cho mỗi kỳ/mỗi năm học. Những SV gặp khó khăn trong việc phân bổ thời gian cho từng loại kiến thức (37,5%). Các bạn có đặt ra mục tiêu cho từng môn

học (37,5%), chỉ có 22% SV vạch ra kế hoạch cụ thể để đạt được những mục tiêu đó.

c. Môi trường TH:



Biểu đồ 2.3: Lựa chọn môi trường TH của SV

Biểu đồ 2.3 cho thấy, phần lớn SV thường xuyên lựa chọn học ở nhà (37,5%) vì nó mang lại cảm giác yên tĩnh và thoải mái. Có 32% và 28% SV thỉnh thoảng đến trường hoặc quán cafe để học tập.

d. Phương pháp TH:

Phương pháp được hầu hết SV áp dụng đó là sưu tầm tài liệu từ sách vở, internet hay mạng xã hội (46,5%), liên hệ với thực tế (36,5%), học hỏi từ những người xung quanh (37%) và qua các ứng dụng và mạng xã

hội (37,5%). Tuy nhiên đa số SV còn hạn chế trong việc sử dụng sơ đồ tư duy để tổng hợp lại kiến thức (25%). Ngoài ra, SV cũng không chú trọng việc kiểm tra lại kiến thức thông qua các bài kiểm tra (23%).

e. Thời gian TH: Lần lượt 45% và 37,5% số lượng SV chọn thường xuyên dành ra hơn 2 giờ đồng hồ

mỗi ngày cho việc TH của mình. Có 37% và 31,5% số lượng SV bỏ ra 5 tiếng/ngày để TH. Có 20% SV chưa từng hoặc bỏ ra rất ít thời gian để TH.

g. *Những khó khăn thường gặp*: Có 25% SV cho rằng “ảnh hưởng từ mạng xã hội”; có 22 % SV cho rằng “không biết phải bắt đầu học từ đâu”; có 15,5% SV cho rằng “chương trình học quá nặng/bài tập ở trường quá nhiều”; có 11% SV cho rằng “không biết tìm kiếm nguồn tài liệu từ đâu” và “không biết tìm ai để giúp đỡ khi gặp khó khăn” 11%; còn lại là “thời gian học trên lớp quá nhiều (9%); chưa tự giác trong việc TH (4%); khả năng tiếp thu chậm/kém (2,5%).

#### **2.4. Giải pháp nâng cao hoạt động tự học của SV tiếng Anh năm thứ nhất tại Khoa Ngoại ngữ, Trường Đại học Đồng Tháp**

Theo nhóm tác giả, để hoạt động TH đạt hiệu quả tốt nhất, SV cần đảm bảo một số yêu cầu cụ thể sau.

Đầu tiên, cần xác định mục đích, động cơ, thái độ học tập, nghiên cứu đúng đắn ở cả 3 mặt kiến thức, thái độ và kỹ năng: “*Học để làm gì?*”, “*Học để phục vụ ai?*”; “*Minh phải rèn luyện phấn đấu trở thành con người như thế nào?*”. Ngoài ra, SV cần xây dựng kế hoạch chi tiết nhiệm vụ TH, tự nghiên cứu được. Mạnh dạn liên hệ với GV để được tư vấn, hỗ trợ về vấn đề đang TH, tự nghiên cứu; sau mỗi buổi học, nên làm ngay bài tập về nhà, sơ đồ hóa kiến thức theo bài, chương. SV cần tổng kết, tóm tắt từng phần, từng chương trong giáo trình để học tập, để phục vụ cho việc ôn tập được dễ dàng. SV nên phân bổ hài hòa giữa học tập, thư giãn, có chế độ sinh hoạt khoa học cho riêng mình.

Để giúp cho hoạt động TH của SV đạt hiệu quả thì vẫn nên có sự quan tâm, giúp đỡ của đội ngũ GV, cụ thể: GV cần định hướng và kích thích ý thức TH, năng lực TH, tự nghiên cứu, phương pháp tư duy khoa học, khả năng làm việc độc lập, sáng tạo cho người học. Khi bắt đầu môn học, GV nên giới thiệu và cung cấp cho SV đề cương môn học: mục tiêu, yêu cầu, nội dung cơ bản, trọng tâm, hình thức tổ chức, phương pháp dạy học, tiêu chí kiểm tra, đánh giá, tài liệu cần sử dụng, để họ có thể tra cứu, ... Tăng cường hướng dẫn, hỗ trợ xây dựng kế hoạch TH khoa học, phù hợp với điều kiện của mình để đạt hiệu quả học tập; chỉ rõ mục đích, yêu cầu, cách thức thực hiện để giao cho SV TH, tự nghiên cứu. Cần tăng cường các điều kiện phục vụ TH cho SV như: phòng học, trang thiết bị, nguồn học liệu đầy đủ, chất lượng, v.v... Cuối cùng, tạo môi trường học tập cởi mở với bầu không khí thân thiện tạo điều kiện

cho SV được tiếp xúc dễ dàng và nhận được các tư vấn cần thiết; để SV cảm thấy tự tin học thầy, hỏi bạn, được mạnh dạn suy nghĩ độc lập và bày tỏ quan điểm, chính kiến cá nhân [3].

#### **3. Kết luận**

TH có tầm quan trọng đặc biệt trong quá trình học tập của SV, là quá trình đòi hỏi sự kiên trì và nỗ lực to lớn của bản thân, không thể thành công ngay trong một thời gian ngắn mà phụ thuộc rất lớn vào tinh thần tự giác, nỗ lực chứng tỏ bản thân của mỗi SV. Qua phân tích thực trạng kỹ năng TH của SV chuyên ngành Tiếng Anh Trường Đại học Đồng Tháp thì nhìn chung SV đã có kỹ năng TH nhưng quá trình thực hiện chưa thường xuyên, chưa hiệu quả, còn lúng túng trong việc thực hiện các kỹ năng TH, còn phụ thuộc vào GV và các yếu tố thứ ba nhiều. Qua đó nhận thấy, cần có nhiều hơn những nghiên cứu về đề tài này, để tìm ra nguyên nhân và hỗ trợ SV khắc phục những khó khăn đó.

\* *Nghiên cứu này được hỗ trợ bởi đề tài cấp cơ sở mã số SPD2022.02.69, Trường Đại học Đồng Tháp.*

#### **Tài liệu tham khảo**

1. Benson, P. & P. Voller (eds.) (1997), *Autonomy and Independence in language learning*. The United Kingdom: Pearson Education Limited.
2. Chen, H. I., & Pan, H. H. (2015). *Learner Autonomy and the Use of Language Learning Strategies in a Taiwanese Junior High School*. Journal of Studies in Education.
3. Đinh Thị Hoa, Lê Hồng Phượng, Đinh Thành Công (2019), *Tự học và một số yêu cầu về TH của sinh viên đáp ứng hình thức đào tạo theo học chế tín chỉ* - Tạp chí Giáo dục, Số đặc biệt tháng 10/2019, tr 178-181.
4. Holec, H. (1981), *Autonomy and foreign language learning*, Oxford: Pergamon.
5. Little, D. (1991), *Learner autonomy.1: definitions, issues and problems*. Dublin: Authentik. *Learner autonomy: Drawing together the Threads of Self, Assessment, Goal- Setting and Reflection*.
6. Quốc hội (2019), Luật giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019, Hà Nội.
7. Ramos, R. C. (2006), *Considerations on the role of teacher autonomy*, Colombian Applied Linguistic Journal, 8, 183-202.